Subquery

Chuan bi

^

```
CREATE TABLE departments (
   id INT PRIMARY KEY AUTO INCREMENT,
   department_name VARCHAR(100) NOT NULL
);
CREATE TABLE employees (
   id INT PRIMARY KEY AUTO INCREMENT,
   name VARCHAR(100) NOT NULL,
   salary DECIMAL(10,2) NOT NULL,
   department id INT,
   FOREIGN KEY (department id) REFERENCES departments (id)
);
INSERT INTO departments (department name) VALUES
('Nhân sự'),
('Công nghệ thông tin'),
('Tài chính'),
('Marketing');
INSERT INTO employees (name, salary, department id) VALUES
('Nguyễn Văn An', 12000000, 1), -- Nhân sự
('Trần Thị Bình', 15000000, 2), -- Công nghệ thông tin
('Lê Quốc Cường', 13000000, 2), -- Công nghệ thông tin
('Pham Hồng Đăng', 11000000, 3), -- Tài chính
('Hoàng Văn Nam', 14000000, NULL); -- Không có phòng ban
```

2

Subquery - Truy van con

- Subquery (truy vấn con) là một câu lệnh SELECT được lồng trong một câu lệnh SQL khác như SELECT, INSERT, UPDATE, hoặc DELETE.
 - Có thể trả về một giá trị hoặc nhiều giá trị.
 - > Dùng trong WHERE, HAVING, FROM, SELECT.... của truy vấn cha
 - Có thể là phụ thuộc vào truy vấn cha hoặc độc lập

Subquery tra ve mot gia tri duy nhat

Tìm nhân viên có lương cao hơn mức lương trung bình

```
SELECT name, salary
FROM employees
WHERE salary > (SELECT AVG(salary) FROM employees);
```

- Subquery này độc lập với truy vấn cha
- (SELECT AVG (salary) FROM employees) chỉ trả về 1 giá trị thì mới so sánh được với salary (vế trái và vế phải có cùng số lượng)

Subquery tra ve mot gia tri duy nhat

Tìm khách hàng có tổng giá trị đơn hàng lớn nhất

```
SELECT customer id, customer name
FROM customers
WHERE customer id = (
   SELECT customer id
   FROM orders
   GROUP BY customer id
   ORDER BY SUM(total amount) DESC
   LIMIT 1
```

Subquery tra ve mot gia tri duy nhat

- Tìm phòng ban có lương **trung bình** nhân viên lớn hơn mức trung bình của **tất cả** nhân viên trong công ty
- VD: Trung bình lương cả công ty là 10 triệu. Phòng IT có lương trung bình 12 triệu

```
SELECT department_id, AVG(salary) AS avg_department
FROM employees
GROUP BY department_id
HAVING avg_department > (SELECT AVG(salary) FROM employees);
```

- AVG (salary) tính lương trung bình từng phòng ban
- SELECT AVG (salary) FROM employees tinh lương trùng bình cả công ty

Subquery tra ve mot cot vợi nhieu dong

Subquery trả về một cột với nhiều dòng

VD: Một phòng ban có 0-N nhân viên. Lọc ra các phòng ban **đã có** nhân viên (Có những phòng chưa có nhân viên)

```
SELECT *

FROM departments

WHERE dept_id IN (SELECT DISTINCT dept_id FROM employees);
```

> SELECT DISTINCT dept id FROM employees lấy thông tin phòng từ nhân viên

Subquery tra ve nhieu dong voi nhieu cot

Subquery trả về một dòng với nhiều cột

VD: Tìm những nhân viên có lương cao nhất **của mỗi phòng ban.** Trong 1 phòng ban, có nhiều nhân viên cùng lương cao nhất thì liệt kê tất cả

#	id	name	salary	department_id
1	1	Nguyễn Văn An	12000000.00	1
2	2	Trần Thị Bình	15000000.00	2
3	4		11000000.00	3
2.0				

Subquery tao bang ao

VD: Tìm những nhân viên có lương cao nhất **của mỗi phòng ban.** Trong 1 phòng ban, có nhiều nhân viên cùng lương cao nhất thì liệt kê tất cả

```
SELECT e.name, e.department id, e.salary
  FROM employees e
  JOIN (SELECT department id, MAX(salary) AS max salary
       FROM employees
       GROUP BY department id) as sub
  ON e.department id = sub.department id AND e.salary = sub.max salary;
       SELECT e.name, e.department id, e.salary
      FROM employees
hoăc
      WHERE (dept id, salary) =
            (SELECT dept id, MAX(salary) FROM employees GROUP BY dept id);
```

Subquery phu thuoc truy van cha

Tìm các nhân viên có lương thấp hơn lương trung bình theo phòng ban của họ.

VD: Nhân viên A thuộc phòng IT, kiểm tra xem Nhân Viên A có lương thấp hơn lương trung bình của phòng IT hay không?

```
SELECT A.id , A.name
FROM Employee AS A
WHERE salary <
    (SELECT avg(salary) from Employee AS B WHERE A.department = B.department);</pre>
```

Đối với mỗi nhân viên A, sẽ tìm lương trung bình của tất cả nhân viên cùng phòng với nhân viên này ⇒ Hiệu năng **tệ**

Subquery phu thuoc truy van cha

VD: Hiển thị thời gian đặt hàng gần nhất của mỗi khách hàng (order_date lớn nhất)

```
SELECT
    c.customer_id,
    c.customer_name,
    (SELECT MAX(order_date)
    FROM orders o
    WHERE o.customer_id = c.customer_id) AS last_order_date
FROM customers c;
```

Subquery nhưng lưu y

- ❖ Giới hạn kết quả: Subquery trong SELECT phải trả về chính xác một giá trị (một hàng, một cột). Nếu trả về nhiều dòng sẽ gây lỗi.
- Hiệu suất: Subquery trong SELECT thường được thực thi cho mỗi dòng của truy vấn chính, có thể gây giảm hiệu suất với dữ liệu lớn.
- Thay thế bằng JOIN: Trong nhiều trường hợp, có thể thay thế bằng JOIN để cải thiện hiệu suất:
 - Subquery được thực thi lặp đi lặp lại cho mỗi dòng của truy vấn chính
 - JOIN được thực thi một lần duy nhất và tạo ra một tập kết quả hoàn chỉnh.
 - query optimizer được thiết kế để tối ưu hóa JOIN operations tốt hơn subquery

```
Thay vì:
SELECT
   c.customer id,
   c.customer name,
   (SELECT COUNT(*) FROM orders o WHERE o.customer id = c.customer id) AS order count
FROM customers c;
-- Thay thế bằng JOIN
SELECT
  c.customer id,
   c.customer name,
   COUNT (tmp.order id) AS order count
FROM customers c
LEFT JOIN (
   select customer id, order id from orders o
) as tmp ON c.customer id = tmp.customer id
GROUP BY c.customer_id, c.customer_name
```

https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/29a2b2cc9fca4a25a105ca5a162fda70

SET @a = (select round(avg(freight), 2) from SalesOrder);

select orderld, freight, round(freight - @a, 2) as diff_freight from SalesOrder SO where freight > (select avg(freight) from SalesOrder);

Bai tap Subquery

^

https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/0dca6545d4ca4cb3a5db6d6529dc8b31
https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/29a2b2cc9fca4a25a105ca5a162fda70
https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/2e33a40949e04a858f7f9264d37780f0
https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/59d1e8a7e1c64d62b941aef4a92cfd43
https://sql.zcode.vn/contests/CSDL_SQL/questions/f4bcac5001114c2fb76a4584872384b5